

Số: 95 /BC-LHH

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO PHẢN BIỆN

**“Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên,  
vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa”**

Thực hiện Công văn số 750/UBND-NN ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội năm 2024, trong đó có “*Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa*”; ngày 24/6/2024, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã gửi Công văn số 3064/SVHTTDL-QLTDTT đề nghị phản biện dự thảo Nghị quyết “Quy định về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa” (sau đây viết tắt là Nghị quyết) và các tài liệu có liên quan. Liên hiệp hội báo cáo kết quả phản biện như sau:

### I. CÁC NỘI DUNG ĐẠT ĐƯỢC

Đề trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tham mưu cho UBND tỉnh một số văn bản liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của Sở Tư pháp, gồm: Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết, trong đó có nội dung đề nghị UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét chủ trương xây dựng Nghị quyết; xây dựng Dự thảo Nghị quyết (kèm theo quy định về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa); báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của các sở, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố. Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, tham khảo, vận dụng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên trong quá trình tập luyện của một số tỉnh, thành phố (TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam...) một cách kỹ lưỡng.

Những nội dung được trình bày trong Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết về: Sự cần thiết, cơ sở pháp lý; mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết; đối tượng và phạm vi áp dụng; bố cục và nội dung của Nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng dựa trên căn cứ vào Luật Thể dục, Thể thao; các nghị định của

Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Thể dục, Thể thao; các đề án, kế hoạch phát triển thể dục, thể thao của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; kế hoạch xây dựng lực lượng vận động viên tham gia Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 và các chính sách có liên quan đến việc ban hành Chính sách. Những vấn đề như: Phân tích, giải trình về sự cần thiết ban hành chính sách, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của từng chính sách, đối tượng, nội dung, mức chi và tác động của từng chính sách cơ bản đã được cơ quan soạn thảo nêu trong Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

## **II. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA, BỔ SUNG:**

### **1. Về quy trình xây dựng Nghị quyết:**

- Nghị quyết này nếu UBND tỉnh trình và được HĐND tỉnh ban hành là văn bản quy phạm pháp luật. Theo quy định tại Điều 111 và Điều 118 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì *“Thường trực HĐND cấp tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết; nếu chấp thuận thì phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình HĐND cấp tỉnh dự thảo nghị quyết; cơ quan, tổ chức trình phân công cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo dự thảo nghị quyết”*. Do vậy, cơ quan soạn thảo cần phải tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng tờ trình gửi Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định đề nghị xây dựng nghị quyết trên. Sau khi có ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận xây dựng nghị quyết, UBND tỉnh mới chỉ đạo xây dựng nghị quyết theo các nội dung được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận và trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

### **2. Các nội dung cần quan tâm trong quá trình xây dựng và trình ban hành Chính sách:**

- Theo ý kiến của Hội đồng phản biện thì chính sách đặc thù chứa đựng các khoản chi có tính chất tiền công, tiền lương nên cần thiết phải thực hiện đầy đủ việc lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, cụ thể đối với chính sách này cần phải xin ý kiến của 4 bộ, gồm: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đối với chính sách đặc thù trước khi xem xét ban hành cần được đánh giá tác động của chính sách một cách kỹ lưỡng các vấn đề liên quan đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Mẫu số 01, phụ lục V, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ (dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách còn chưa đầy đủ, chưa cụ thể, thiếu số liệu minh chứng, chưa đánh giá hết các khía cạnh của nội dung cần đánh giá theo quy định). Đề nghị cơ quan soạn thảo cần tổ chức nghiên cứu xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách một cách kỹ lưỡng hơn (việc xây dựng chính sách cần được xem xét từ hiệu quả những chính sách hiện hành, việc thực hiện chính sách của Trung ương, chính sách của các tỉnh, thành phố, nhất là khả năng thực tế về ngân sách đảm bảo thực hiện chính sách) làm căn cứ cho việc quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

- Việc đề xuất nội dung và mức hỗ trợ trong chính sách cần căn cứ vào các quy định pháp luật; tính cấp bách của vấn đề cần ban hành chính sách và khả năng tài chính thực hiện chính sách. Đề nghị cơ quan soạn thảo tính toán và xác định rõ nguồn ngân sách song cùng với đề xuất chính sách nhằm đảm bảo tính khả thi của chính sách sau khi ban hành.

**3. Về tên của Nghị quyết:** Theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa và trong Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết thì tên nhiệm vụ là “*Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa*”, trong khi đó tên của Dự thảo Nghị quyết lại là: Nghị quyết “*Về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thanh Hóa*”. Về nguyên tắc tên của Nghị quyết phải thống nhất với tên của Nghị quyết mà Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận. Như vậy, dự thảo Nghị quyết gửi phản biện chưa đúng theo văn bản giao nhiệm vụ của UBND tỉnh và chưa thống nhất với dự thảo Tờ trình. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại vấn đề này. Trường hợp xét thấy cần phải điều chỉnh thì cần có giải trình cơ sở và lý do chỉnh sửa trong Tờ trình UBND tỉnh.

#### **4. Về nội dung Nghị quyết**

Nội dung của Tờ trình còn rất sơ sài, thiếu tính thống nhất với dự thảo Nghị quyết ở nhiều nội dung; căn cứ pháp lý còn thiếu những văn bản quy định chế độ chính sách của vận động viên, huấn luyện viên mà Trung ương đã quy định. Đặc biệt là trong Tờ trình chưa nêu có hay không có chế độ chính sách của Trung ương đối với huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thành tích cao trong và sau khi tập luyện, thi đấu và đánh giá việc thực hiện ở tỉnh ta; trong Tờ trình có đề cập đến việc hiện nay tỉnh ta chưa có chế độ, chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ, thu hút đối với huấn luyện viên, vận động viên (trong và sau khi tập luyện, thi đấu), trong khi đó không ít địa phương trong nước đã ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên. Tờ trình cần phải lý giải rõ hơn về lý do và căn cứ vì sao lại cần ban hành chính sách đặc thù, chứ không phải là chưa có hoặc các tỉnh có ban hành thì tỉnh cần phải ban hành.

**4.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Nội dung Tờ trình cần làm rõ, đầy đủ các yếu tố tạo nên tính cấp thiết của việc ban hành Nghị quyết. Trong đó, cần bổ sung thêm một số vấn đề sau:

(i) Hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động của chính sách giúp cho việc bổ sung đánh giá việc thực hiện chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên đã có tác động thế nào đối với thể thao thành tích cao của tỉnh so với khi chưa có chế độ, chính sách bằng số liệu cụ thể trên từng môn thể thao (5-10 năm trở lại đây); làm rõ những bất cập, hạn chế, vướng mắc của những chính sách đã ban hành đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao so với yêu cầu

thực tiễn đặt ra (nếu có). Trong đó có nhận định, đánh giá việc thực hiện các chế độ chung của Nhà nước quy định tại Nghị định số 152/2018/ND-CP, ngày 07/11/2018 ở tỉnh ta đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập luyện và thi đấu. Phân tích rõ, sâu sắc hơn lý do vì sao lại phải ban hành các chính sách “đặc thù” nêu trong Tờ trình. Bổ sung những nhận định, đánh giá về kết quả về thể thao thành tích cao mà Thanh Hóa đạt được trong thời gian qua tại các đại hội thể thao, giải thể thao trong hệ thống thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế (cần xây dựng phụ lục chi tiết kèm theo).

(ii) Lý giải vì sao kết quả thi đấu thể thao tại các Đại hội thể dục thể thao toàn quốc trong những năm gần đây tỉnh Thanh Hóa liên tục được xếp thứ hạng cao (xếp thứ 4 toàn đoàn), vậy nếu có chính sách “đặc thù” thì thể thao của tỉnh sẽ xếp hạng bao nhiêu và nếu không có chính sách “đặc thù” thì có nguy cơ tụt hạng hay không (Thực tế cho thấy, số huy chương vàng mà đoàn thể thao Thanh Hóa giành được tại các Đại hội thể dục thể thao toàn quốc chỉ bằng  $\frac{1}{2}$  đơn vị xếp thứ 3 và chỉ hơn nhóm xếp liền sau 4-5 huy chương vàng nên khả năng giữ được vị trí thứ 4 là không hoàn toàn chắc chắn và vươn lên vị trí thứ 3 là rất khó khăn nếu không có chính sách khuyến khích, hỗ trợ thỏa đáng).

(iii) Bổ sung nội dung có liên quan đến đề xuất chính sách “đặc thù” được đặt ra trong mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Đề án “Phát triển thể dục Thể thao của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” được ban hành tại Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

(iv) Bổ sung mục tiêu “*Xây dựng lực lượng cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, chuyên viên kỹ thuật thuộc lĩnh vực thể thao thành tích cao đáp ứng yêu cầu phát triển thể dục, thể thao tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm mạnh và duy trì thành tích trong nhóm dẫn đầu cả nước*” được đề ra trong Nghị quyết số 58-NQ/TW, ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa và Quy hoạch phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **4.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng (Điều 1):**

Phạm vi và đối tượng áp dụng được ghi trong Tờ trình và trong dự thảo Nghị quyết là không thống nhất. Đề nghị thống nhất chung “Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng” trong 2 văn bản này. Về kết cấu, bố cục của Quy định kèm theo Nghị quyết: Không nên kết cấu thành các điều mà nên kết cấu thành các phần vì Nghị quyết đã bố cục thành các điều (Quy định chung; I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; II. Nội dung chi và mức chi; III. Kinh phí thực hiện; IV. Tổ chức thực hiện). Cần bổ sung kèm theo Tờ trình phụ lục tổng hợp các chính sách đặc thù đối với các đối tượng mà TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội và một số tỉnh đã ban hành (chính sách, đối tượng, nội dung, mức hưởng, các điều kiện để được hưởng...) làm cơ sở để tham mưu, đề xuất chính sách đặc thù của tỉnh.

- *Phạm vi áp dụng*: Đây là chính sách đặc thù nên cần thể hiện rõ những chế độ ngoài các chế độ đã quy định trong Nghị định số 152/2018/ND-CP, đồng thời trong Tờ trình phải làm rõ được lý do vì sao cần phải có chính sách cho từng nội dung cụ thể để làm rõ tính đặc thù. Trong dự thảo Tờ trình có quy định: “*Nghị quyết này Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thu hút, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh đang tham gia tập luyện, thi đấu và đã đạt nhiều thành tích, có tiềm năng, kinh nghiệm, năng lực, trình độ chuyên môn cao nhằm đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh nhà*”. Tuy nhiên, trong Tờ trình chưa lý giải đầy đủ được lý do, cơ sở của việc ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thu hút đãi ngộ. Trong khi đó “Phạm vi áp dụng của Dự thảo Nghị quyết” thì quy định phạm vi điều chỉnh gồm 7 nhóm. Đề nghị nghị cứu cách trình bày để đảm bảo thống nhất về phạm vi áp dụng nêu trong Tờ trình và trong Dự thảo Nghị quyết.

Hội đồng phản biện nhận thấy rằng việc ban hành chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ huấn luyện viên là xuất phát từ thực tế công tác huấn luyện và thi đấu, nhằm đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu thể thao thành tích cao trong giai đoạn, kỳ đại hội, các giải thi đấu thể thao. Tuy nhiên, không nên ban hành chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên ở tất cả các môn thể thao thành tích cao, mà nên xác định những môn thể thao trọng điểm là thể mạnh của Thanh Hoá và một số môn thể thao tranh chấp huy chương ở Đại hội thể thao, giải đấu khu vực, châu lục và quốc tế thì mới cần và nên có chính sách đặc thù như đã nêu trong kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh bao gồm 20 môn thể thao trọng điểm loại I, 6 môn thể thao loại II và 08 môn thể thao có khả năng đạt huy chương.

- *Đối tượng áp dụng*: Nội dung đối tượng quy định trong Tờ trình và dự thảo Nghị quyết không thống nhất. Cần quy định rõ đối tượng huấn luyện viên, vận động viên, người phục vụ được cơ quan có thẩm quyền quyết định. Trong Tờ trình thì không có “Người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên”. Đối tượng áp dụng Nghị quyết ngoài các đối tượng được nêu trong tên Nghị quyết thì còn có: Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết. Đề nghị cần quy định thống nhất trong Tờ trình và trong Dự thảo Nghị quyết; đồng thời cần bổ sung chính sách đặc thù áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao, những người khuyết tật và người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật của tỉnh Thanh Hoá. Tuy nhiên, qua nghiên cứu chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên của một số địa phương đã ban hành thì chỉ có rất ít địa phương ban hành chính sách đối với người phục vụ huấn luyện viên, vận động viên. Việc ban hành chính sách đặc thù chủ yếu là hướng tới huấn luyện viên, vận động viên còn chế độ bồi dưỡng đối với người phục vụ thì được thực hiện theo kế hoạch tập luyện, không nên đưa vào đối tượng hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ.

**4.3. Chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc (HCV, HCB, HCD, phá kỷ lục) tại Đại hội Thể thao, giải thể thao trong hệ thống thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế (Điều 3):**

- Đề nghị nêu rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đề xuất mức chi chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích “xuất sắc”.

- Điều kiện hưởng chế độ:

(i) Thống nhất với quy định “Vận động viên, huấn luyện viên sau khi đạt thành tích vẫn tiếp tục thi đấu, huấn luyện cho thể thao Thanh Hóa” và thời gian hưởng chế độ như quy định tại các điểm a, b, c như dự thảo.

(ii) Để đảm bảo công bằng đối với vận động viên, đề nghị bổ sung thêm quy định vào điểm b khoản 2 Điều 3 “Đối với thành tích vượt vòng thể vận hội Olympic” thì thời gian được hưởng tính từ thời điểm vận động viên thi đấu tại Thế vận hội Olympic đến thời điểm giải đấu kế tiếp kết thúc mặc dù đối tượng này của Thanh Hóa là rất hiếm.

(iii) Bổ sung Đại hội thể thao, giải thi đấu từng môn thể thao của người khuyết tật.

- Thời gian hưởng chế độ:

+ Cần nghiên cứu, chỉnh sửa thời gian được hưởng chế độ trong trường hợp Đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao từng môn kế tiếp phải lùi thời gian. Để việc khuyến khích, hỗ trợ không ngắt quãng, động viên được huấn luyện viên, vận động viên nỗ lực, quyết tâm luyện tập, thi đấu thì việc được hưởng chế độ nên kéo dài cho tới thời điểm đại hội, giải thi đấu kế tiếp được tổ chức thay vì chỉ “được tối đa không quá 12 tháng”.

+ Cần nghiên cứu chỉnh sửa việc hưởng chế độ đãi ngộ đối với trường hợp huấn luyện viên, vận động viên đạt nhiều thành tích tại các giải thi đấu khác nhau trong cùng một thời gian theo chu kỳ quy định. Nếu chỉ được hưởng chế độ mức cao nhất trong các thành tích tại các giải đấu sẽ không khuyến khích được các huấn luyện viên, vận động viên, luyện tập và tham gia các giải thi đấu vì đối với thể thao thành tích cao việc luyện tập và tham gia được nhiều các giải thể thao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho huấn luyện viên, vận động viên cọ sát và nâng cao thành tích cá nhân, đồng đội, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thể thao của tỉnh đề ra.

- Nội dung chi, mức chi cụ thể: Về cơ bản thống nhất với cách xây dựng giải thi đấu và chi cho các vận động viên đạt các loại huy chương vàng, bạc, đồng. Tuy nhiên, đề nghị lý giải cơ sở đề xuất các mức chi cho từng loại huy chương (các mức chi đề xuất cho từng loại huy chương so với mặt bằng chung về mức chi trong các chính sách của các tỉnh) để thấy đề xuất mức chi trong dự thảo Nghị quyết đã phù hợp chưa: So với Nghị định số 152/2018/NĐ-CP và Hà Nội thì chênh lệch giữa huy chương vàng, bạc, đồng là chưa hợp lý. Hội đồng phản biện đề nghị cần có chính sách khuyến khích tạo sự khác biệt rõ ràng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt huy chương vàng với huy chương bạc và huy chương đồng và cần tính đến trường hợp vừa đạt huy chương vàng vừa phá kỷ lục.

**4.4. Chế độ khuyến khích, thu hút huấn luyện viên, vận động viên trong nước đã đạt thành tích cao tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế tham gia tập luyện, thi đấu cho thể thao Thanh Hóa (Điều 4):**

- Tên và nội dung của Điều 4 không thống nhất với nhau. Đề nghị sửa lại như sau: “Chế độ thu hút huấn luyện viên, vận động viên trong nước đã đạt thành tích cao trong huấn luyện và thi đấu tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế tham gia huấn luyện, tập luyện, thi đấu cho thể thao Thanh Hóa”.

- Đây là chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các môn thể thao thành tích cao, nhất là các môn thể thao mũi nhọn, trọng điểm, những môn cần dành huy chương trong các kỳ đại hội thể thao, các giải thi đấu thể thao trong nước, khu vực, Châu Á và quốc tế. Vì vậy, không chỉ là hỗ trợ thanh toán tiền vé máy bay, phương tiện đi lại (đây là các khoản chi thường xuyên được xây dựng trong dự toán hàng năm của các đơn vị) không cần đưa vào chính sách mà cần nghiên cứu, bổ sung các chế độ khác như: Hỗ trợ nơi ở, sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...

- Chính sách này cần được nghiên cứu một cách căn cơ và tham khảo chính sách của một số tỉnh, thành đã ban hành hiện đang thực hiện có hiệu quả; đồng thời nghiên cứu tham khảo một số chính sách đãi ngộ của tỉnh ta đối với việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về tỉnh làm việc trong lĩnh vực đào tạo, giáo dục và Y tế ... như chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khoa học tham gia đề án liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài giai đoạn 2006 – 2015; chế độ đãi ngộ với cán bộ giảng dạy Trường Đại học Y Hà Nội về làm việc tại phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hoá... để đề xuất mức hỗ trợ cho các đối tượng trong chính sách này một cách hợp lý.

- Nội dung chi: Cần thể hiện cho rõ nghĩa của nội dung trình bày, tránh nhầm lẫn về các nội dung. Đề nghị thay cụm từ “01 lượt khứ hồi” bằng “01 chuyến khứ hồi”; diễn đạt lại “Nội dung chi” cho chính xác, dễ đọc, dễ hiểu. Đề nghị bổ sung thêm “hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê nơi ở, phụ phí khác”.

- Mức chi: Cần tham khảo mức chi trong các chính sách của các tỉnh, thành phố đã ban hành kết hợp với cấp độ khuyến khích của môn thể thao, mức độ cần phấn đấu và khả năng cân đối ngân sách dành cho sự nghiệp thể thao của tỉnh đến năm 2030 để tính toán đề xuất mức hỗ trợ hợp lý, khả thi và đảm bảo chính sách mang lại hiệu quả cao nhất.

**4.5. Chế độ hỗ trợ đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh Thanh Hóa được triệu tập tập huấn, thi đấu tại đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền (Điều 5):**

- Chế độ hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Thanh Hóa được triệu tập tập huấn, thi đấu tại đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Nghị định 152/2018/NĐ-CP, ngày 07/11/2018 của Chính phủ, do vậy những nội dung Nghị

định 152/2018/NĐ-CP đã quy định chi tiết thì không đưa vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Đề nghị làm rõ nội dung hỗ trợ đối với vận động viên, huấn luyện viên cụ thể vào mục đích gì, mới có cơ sở đề xuất mức hỗ trợ. Cần nêu rõ lý do và yêu cầu thực tiễn để đề xuất các mức chi hỗ trợ đối với từng đội tuyển. Trên cơ sở mức chi chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên theo quy định hiện hành của tỉnh và của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để đề xuất chế độ phù hợp đối với vận động viên, huấn luyện viên từng đội tuyển (có thể nghiên cứu đề xuất mức chi hỗ trợ bằng, gấp 1,5 hoặc 2 lần chế độ dinh dưỡng theo quy định của từng đội tuyển).

**4.6. Hỗ trợ các vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia (Cấp I, kiện tướng) (Điều 6):** Đề nghị nêu rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đề xuất các mức chi hỗ trợ các vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia (Cấp I, kiện tướng). Làm rõ lý do vì sao lại không hỗ trợ cho huấn luyện viên có vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia.

Cần nghiên cứu, chỉnh sửa đối tượng áp dụng: Các vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia được hưởng chế độ hỗ trợ này cùng với việc được hưởng chế độ khuyến khích đối với vận động viên, huấn luyện viên quy định tại điều 3 vì để đạt được các đẳng cấp quốc gia là cả một quá trình tập luyện, thi đấu hết sức nỗ lực, quyết tâm cao của vận động viên để dành được nhiều thành tích cao tại các kỳ đại hội thể thao, giải thi đấu từng môn thể thao. Những thành tích thi đấu của vận động viên và quá trình tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức ... của họ phải đạt được các tiêu chí quy định của Nhà nước thì mới được các cơ quan chức năng phong đẳng cấp quốc gia. Có thể nghiên cứu nâng mức hỗ trợ vận động viên kiện tướng lên 3.000.000đ và Cấp I là 2.000.000đ.

**4.7. Hỗ trợ tiền học phí, tiền học bù theo quy định đối với vận động viên đạt thành tích cao tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế khi vừa tham gia học tập tại các cơ sở đào tạo, vừa tham gia tập luyện, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (Điều 7):** Đề nghị bổ sung quy định đối với vận động viên vừa tham gia học tập tại các cơ sở đào tạo, vừa tham gia tập luyện, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên đối với vận động viên không được cử tham gia hoặc có tham gia thi đấu nhưng không đạt thành tích cao tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế thì cần phải có quy định cụ thể.

**4.8. Hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, người lao động được phân công thực hiện các nhiệm vụ, phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao (Điều 8):** Đề nghị nêu rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đề xuất mức bồi dưỡng (hỗ trợ) đối với viên chức, người lao động được phân công thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện, thi đấu cho vận động viên của tỉnh. Cần xác định rõ, cụ thể chức danh của đối tượng phục vụ huấn luyện viên, vận động viên từ đó đề xuất nội dung và mức hỗ trợ cho phù hợp. Trường hợp không xác định được vị trí việc làm của các đối tượng thực hiện nhiệm vụ, phục vụ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thì không thể ban hành được chính sách này. Đề nghị nghiên cứu có thể xếp các đối tượng phục vụ huấn luyện viên, vận động viên dưới chức danh là trợ lý hoặc thuê (trợ lý huấn luyện, phiên dịch viên, trọng tài...).



Nếu xác định được các chức danh trợ lý, giúp việc huấn luyện viên và hỗ trợ vận động viên trong quá trình tập luyện thì cần xác định cụ thể mức hỗ trợ cho đối tượng được phân công thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện, thi đấu của huấn luyện viên và vận động viên trong chính sách này dựa trên mức lương cơ sở đã được Thủ tướng Chính phủ quy định. Mức hưởng chế độ bồi dưỡng 75.000 đồng/người/ngày làm việc thực tế được đề xuất trong Tờ trình (mức hỗ trợ được quy định trong Nghị quyết của HĐND tỉnh Ninh Bình từ năm 2021) là quá thấp so với mức lương hiện nay (tính từ ngày 1/7/2024).

**4.9. Hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên môn Bóng chuyền (Điều 9):** Các nội dung quy định hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên môn Bóng chuyền (Đội Bóng chuyền nữ tham gia giải Vô địch Quốc Gia; Đội Bóng chuyền nữ tham gia các đội hạng A; Đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ Bóng chuyền của tỉnh; Đối với huấn luyện viên, vận động viên tuyển năng khiếu đội tuyển Bóng chuyền của tỉnh) cần được làm rõ mấy vấn đề sau: (i) Cơ sở tính toán và thực tế của việc đề xuất về mức chi đối với các đối tượng huấn luyện viên và vận động viên tham gia các đội tuyển; (ii) Cần quy định thời gian tối đa được hưởng chính sách đặc thù đối với từng đối tượng huấn luyện viên và vận động viên; (iii) Nghiên cứu bổ sung chế độ đặc thù hoặc mức hỗ trợ (bồi dưỡng) đối với huấn luyện viên, vận động viên bóng chuyền tham gia các giải thi đấu quốc tế trong nước, khu vực ASEAN và Châu Á.

### III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN

1. Giải thích từ ngữ trong Tờ trình và Nghị quyết: Do có nhiều khái niệm khác nhau về huấn luyện viên, vận động viên và thành tích trong thi đấu, vì vậy, đề nghị giải thích rõ trong Tờ trình và quy định ban hành kèm theo Nghị quyết khái niệm: Thể thao thành tích cao; đối tượng của chính sách khuyến khích; đối tượng của chính sách thu hút; đối tượng của chính sách hỗ trợ.

2. Đề nghị bổ sung vào Tờ trình các quy định về thủ tục hành chính, các nguyên tắc thực hiện đối với từng chính sách và quy định kèm theo Nghị quyết, tránh trường hợp chính sách ban hành nhưng không thực hiện được hoặc gây lúng túng, chông chéo khi thực hiện; đồng thời cần quy định chế tài đối với những tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng hoặc cố tình thực hiện sai chính sách.

3. Bổ sung bảng thống kê chính sách đặc thù mà các tỉnh, thành thành phố đã ban hành, so sánh với đối tượng, phạm vi điều chỉnh và dự kiến nội dung chi và mức chi trong dự thảo Nghị quyết phục vụ xem xét quyết định của cấp có thẩm quyền. Cần bám sát Đề án “Phát triển thể dục Thể thao của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” để xây dựng chính sách cho phù hợp, góp phần thực hiện thành công Đề án.

4. Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm chính sách hỗ trợ một lần, tạo công ăn việc làm *đối với vận động viên đạt thành tích cao tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế và có thời gian tập luyện và thi đấu cho thể thao Thanh Hóa từ 5 năm trở*

lên, được cơ quan sử dụng vận động viên đánh giá không còn khả năng thi đấu thể thao thì được hỗ trợ một khoản tiền để tạo việc làm hoặc được hỗ trợ học nghề, tuyển dụng vào các đơn vị huấn luyện, nghiệp vụ... thể hiện sự nhân đạo của chính sách đối với những người có nhiều công hiến cho thể thao tỉnh nhà.

5. Tại tờ trình cần khái toán kinh phí hằng năm phải chi trả cho các đối tượng là huấn luyện viên, vận động viên, người phục vụ huấn luyện, thi đấu thể thao thành tích cao của tỉnh nếu Nghị quyết được thông qua, để có cơ sở bố trí và cân đối nguồn ngân sách cho phù hợp; Cơ quan soạn thảo cần phối hợp với Sở Tài chính làm rõ khả năng cân đối nguồn để thực hiện chính sách, tránh trường hợp chính sách ban hành nhưng không có nguồn lực thực hiện (Theo Công văn số 2894/STC-HCSN ngày 29/5/2024 của Sở Tài chính).

6. Môn bóng đá nam là một trong các môn thể thao thành tích cao, thể mạnh, trọng điểm của tỉnh đã được đưa vào hệ thống các chỉ tiêu thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (tại Quyết định số 4791/QĐ-UBND, ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh). Đặc thù của môn bóng đá mang tính xã hội hoá cao. Vì vậy, cần nghiên cứu, xây dựng chính sách đặc thù riêng đối với huấn luyện viên, vận động viên và người phục vụ đội tuyển bóng đá nam của tỉnh. Ngoài ra, trong những năm tới cần quan tâm chỉ đạo, phát triển bóng đá nữ tham gia các giải thi đấu trong nước và cần có chính sách khuyến khích bóng đá trẻ tài năng.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

Dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức nghiên cứu xây dựng khẩn trương, nghiêm túc, phù hợp với nhiệm vụ được giao. Cần tiếp thu ý kiến của Hội đồng phản biện, ý kiến góp ý của các sở, ngành có liên quan một cách đầy đủ và xác đáng trong quá trình bổ sung và hoàn thiện Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng (để b/c);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;
- Thường trực LHH;
- Hội đồng phản biện;
- Lưu VT, VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phát**